



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Annual Report
2007

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007
ANNUAL REPORT
NAVIFICO

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAM VIET JOINT STOCK COMPANY

Phuoc Long Industrial Zone, Phuoc Long B Ward, District 9, HCM city
Tel: 84 . 8 . 731 3643 - 897 8111 Fax: 84 . 8 . 731 3641 - 897 8110
Email: navinfo@navifco-corp.com
Website: www.navifco-corp.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Annual Report
2007

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007
ANNUAL REPORT
NAVIFICO

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAM VIET JOINT STOCK COMPANY

Phuoc Long Industrial Zone, Phuoc Long B Ward, District 9, HCM city
Tel: 84 . 8 . 731 3643 - 897 8111 Fax: 84 . 8 . 731 3641 - 897 8110
Email: navinfo@navifco-corp.com
Website: www.navifco-corp.com



Mục lục
Contents

o Thông điệp của Chủ tịch HĐQT Message from the Chairman of Board of Directors	2
o Ban Lãnh đạo công ty The Company Leadership	4
o Tổng quan về NAVIFICO Overview of NAVIFICO	6
o Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 Report of Management Board on production and trading activities of 2007	18
o Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng năm 2008 Production & Business targets 2008	28
o Báo cáo tài chính năm 2007 Financial Statements in year of 2007	36



2007
Nam Viet Joint Stock Company - Annual Report

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Thưa Quý vị

Đứng trước tình hình của thế giới phức tạp và biến động không ngừng, các công ty đang phải đối diện với nhiều thách thức và cơ hội mới trong thời gian tới.

(Chúng ta sẽ làm thế nào để tồn tại và phát triển trong thị trường này?)

Chúng ta đang đối mặt, cũng như đã vượt qua các thử thách trong quá trình phát triển của mình. Chúng ta đang tiếp tục nỗ lực để vượt qua các thử thách mới, để có phương thức mới nhằm để thích ứng với môi trường kinh doanh mới.

Chúng ta cần phải quan tâm tới những đổi mới kỹ thuật để thúc đẩy và tiếp tục phát triển những hợp tác mới.

Để có thể chiến lược để thích ứng thành công với những biến động không ngừng của thị trường, chúng ta đang tiếp tục nỗ lực, tìm kiếm những sáng tạo mới.

Đây chính là cách mà chúng ta tiếp tục thích ứng và phát triển trong thời kỳ đầy thách thức, sáng tạo và kỳ diệu.

(Chúng ta nhận là công ty đang dần trở nên vững chắc, tiếp tục để duy trì nền tảng kỹ thuật vững chắc, cũng như tiếp tục nâng cao trình độ công nghệ để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty.)

Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty. Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty.

Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty. Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty.

Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty. Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty.

Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty. Chúng ta nhận là được hưởng lợi ích trong một nền tảng công nghệ mới, để tạo nên lợi thế cạnh tranh của công ty.

Chúng tôi xin cảm ơn Quý vị đồng nghiệp đồng hành cùng NAVIFICO.

Tôn trọng,

Trần Văn Tuấn (Chức vụ: Chủ tịch HĐQT)

Trần Văn Tuấn



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN

Ladies and Gentlemen,

Integrating into the global economy and the global world will open up both challenges and opportunities. In the past, all of these aspects have been profoundly impacted our working.

(What should we do to maintain and develop our Company in the future?)

Companies to innovate and create in order to overcome any challenges and meet the needs for growth in new business. This is the best way to maintain and develop the Company.

To strengthen the relationship with existing partners, and to build and develop new cooperation.

Adopting business strategies to adjust to the changing market trends, strategies our core abilities and develop the new breakthrough abilities.

This is the way for us to exist towards to success and prosperity in the changing, dynamic and interesting period.

We're proud of being a leading Company in producing fiber cement roofing for nearly half a century. We are only over the technology but we also perform all equipment for the production of fiber cement roofing.

Being creative, dynamic and innovative in the global economy are the keys to success. We're proud to be the only company which makes and covers the technologies and the equipment for producing 99% roofing tiles in the Indonesia in increasing and providing over 99% products which serve the domestic and international market.

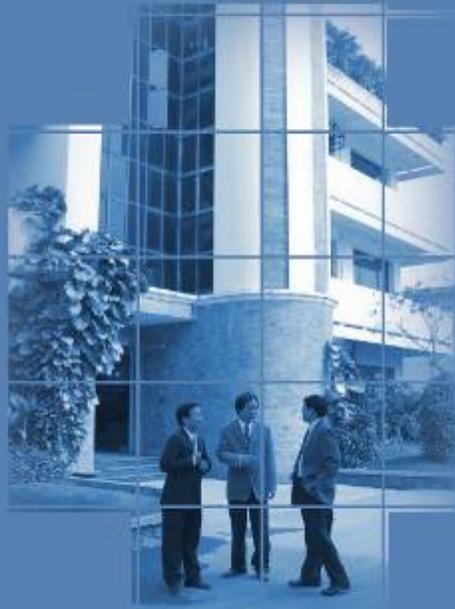
NAVIFICO's wood products have satisfied the highly demanding customers in Great Britain and Europe, etc. We also provide wood products to many high-end projects in America, in Vietnam, in China, in Korea, etc.

In the order to meet the demands of the demand of the market in Vietnam, we are developing NAVIFICO Wood Products Industrial Park in Hoang Lien Commune, Thang Uyen District, Thanh Hoa Province with an area of nearly 42 hectares.

(NAVIFICO ensure that you have made the right investment and you will have many opportunities to increase profits in the future. This is the commitment of our Board of Directors.

We're pleased to thank our valued shareholders who have always trusted and partnered with NAVIFICO throughout the years.

Chairman of the Board of Directors,



TỔNG QUAN

- 1. Lịch sử phát triển
- 2. Lĩnh vực hoạt động
- 3. Các đơn vị trực thuộc
- 4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- 5. Kết quả hoạt động 2003-2007

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Board of Directors



- Ông **Trần Mạnh Cường**
Chủ tịch HĐQT
Chairman
- Ông **Lê Hải Thuận**
Phó Chủ tịch HĐQT
Vice Chairman
- Ông **Vũ Hải Bằng**
Trần Văn Hậu?
Director
- Ông **Nguyễn Văn Năm**
Trần Văn Hậu?
Director
- Ông **Nguyễn Văn Quý**
Trần Văn Hậu?
Director



THE COMPANY LEADERSHIP

BAN KIỂM SOÁT
Supervisory Board



- Ông **Lê Văn Sơn**
Trần Văn Hậu?
Director
- Bà **Nguyễn Thị Hồng**
Trần Văn Hậu?
Director



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Management Board



- Ông **Trần Mạnh Cường**
Chủ tịch HĐQT
Board Director
- Ông **Trần Văn Hậu**
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director
- Ông **Đặng Năm Thuận**
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

- Ông **Nguyễn Văn Đình**
Trưởng Ban Kiểm soát
Head of Supervisory Board
- Ông **Huyền Liên Quang**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member of Supervisory Board
- Ông **Trần Văn Năm**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member of Supervisory Board



3. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



3. SUBSIDIARIES

- 1** Xi nghiệp sản xuất kinh doanh chế biến gỗ Nhà Việt
Ngành nghề hoạt động: sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ nội thất và cửa gỗ cao cấp sang thị trường Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...
 - 2** Xi nghiệp sản xuất tấm lợp và cấu kiện bê tông (NAVI 1)
Ngành nghề hoạt động: sản xuất tấm lợp, tấm vách xi măng sợi, gạch block, gạch lát vỉa hè.
 - 3** Xi nghiệp cơ khí chế tạo (NAVI 2)
Ngành nghề hoạt động: chế tạo máy có khí ngành sản xuất tấm ốp công nghệ xep, hệ thống hút bụi airflow, máy móc chế biến gỗ, nhập khẩu và lắp ráp thiết bị cơ khí chế biến gỗ, thi công lắp đặt hệ thống khí nén, thang cáp điện công nghiệp.
 - 4** Xi nghiệp Kinh doanh (NAVI 3)
Ngành nghề hoạt động: hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.
 - 5** Xi nghiệp Xây dựng và trang trí nội thất
Ngành nghề hoạt động: tư vấn, thiết kế, thi công công trình công nghiệp và dân dụng, trang trí nội thất.
- Nhà Việt Wood Processing and Trading Enterprise**
Business operations: producing, exporting interior wood furniture and doors to the US, Canada, EU, Japan, Korea...
- Fiber-cement Roofings and Concrete Components Enterprise (NAVI 1)**
Business operations: producing roof sheets, fiber cement boards, concrete blocks, paving bricks.
- Mechanical Engineering Enterprise (NAVI 2)**
Business operations: fabricating fiber cement production line, the advanced airflow vacuum dust collector system, wood processing machines, installation of completed air system and industrial cable ladder.
- Trading Enterprise (NAVI 3)**
Business operations: import and export raw materials, building material.
- Construction and Interior Decoration Enterprise**
Business operations: consulting, design, construction, interior decoration of the industrial and civil projects.

1. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ Phần Nam Việt

- ★ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000281 đăng ký lần đầu ngày 01/02/2001 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/05/2017.
Tên Việt Nam: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**
Tên tiếng Anh: **NAM VIET JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **NAVIFCO**
Mã chứng khoán: **NAV**
Trụ sở: Khu Công Nghiệp Phước Long, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel: 84-8-7313443 84-8-7313992
Fax: 84-8-7313441
Email: navifco@navifco-corp.com
Website: www.navifco-corp.com
- ★ Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVI100) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963 là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất tấm lợp xi măng.
Năm 1975, NAVIFCO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh.
Năm 2001, trở thành Công ty Cổ phần Nam Việt.
Ngày 22 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
- Cơ khí chế tạo máy
- Lắp đặt, thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng
- Kinh doanh bất động
- Kinh doanh du lịch

1. HISTORY

Nam Viet Joint Stock Company:

- ★ License No. 4103000281 granted by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on February 01, 2001. The 1st registration on September 10, 2007.
Vietnamese Company name: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**
English Company name: **NAM VIET JOINT STOCK COMPANY**
Abbreviation/stock name: **NAVI100**
Stock Symbol: **NAV**
Head office: Phước Long Industrial Park, Phước Long B Ward, District 9, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: 84-8-731 3443 84-8-731 3992
Fax: 84-8-731 3441
Email: navifco@navifco-corp.com
Website: www.navifco-corp.com
- ★ Nam Viet Joint Stock Company (NAVIFCO) formerly Nam Viet Co., was established in 1963 which was the first company manufactured fiber cement boards in Vietnam.
In 1975, NAVIFCO changed into State-owned Enterprise directly under Ho Chi Minh City People Committee.
In 2001 Nam Viet Company became Nam Viet Joint Stock Company.
December 22, 2006, Nam Viet Joint Stock Company listed shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

2. BUSINESS FIELDS

- Processing wood products for export
- Producing, trading building materials
- Mechanical engineering
- Design, construction of the industrial and civil projects
- Trading real estate
- Tourism

4. SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



11/11/2010 20:00

4. NAVIFICO ORGANIZATION CHART

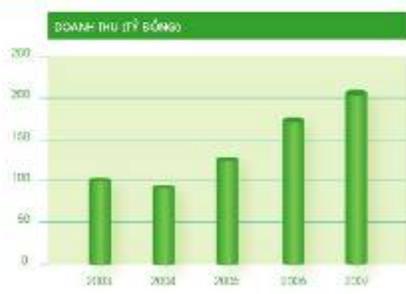


11/11/2010 20:00

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2003 – 2007

CHỈ TIÊU	2003	2004	2005	2006	2007
Vốn điều lệ	12,00	15,60	15,60	25,00	50,00
Vốn điều lệ bình quân	12,00	12,50	15,60	25,00	33,33
Doanh thu	102,321	88,994	125,509	179,366	214,062
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	4,47	5,16	10,15	18,57	25,55
LNST/Vốn điều lệ bình quân	37,26%	43,15%	64,99%	74,30%	78,02%
LNST/Doanh thu	4,37%	5,82%	8,07%	10,36%	11,94%
Tỷ lệ cổ tức	16,00%	12,00%	12,00%	12,00%	20,00%
Tỷ lệ chi trả cổ phiếu thưởng		40,00%		50,25%	40,00%

TIÊU ĐỘ TĂNG TRƯỞNG



11/11/2010 20:00

5. RESULTS OF PRODUCTION & TRADING ACTIVITIES OF 2003-2007

ITEMS	2003	2004	2005	2006	2007
Chartered capital	12.00	15.60	15.60	25.00	50.00
Average Chartered capital	12.00	12.50	15.60	25.00	33.33
Revenue	102,321	88,994	125,509	179,366	214,062
Profit after tax	4.47	5.16	10.15	18.57	25.55
Profit after tax / Average Chartered capital	37.26%	43.15%	64.99%	74.30%	78.02%
Profit after tax / Revenue	4.37%	5.82%	8.07%	10.36%	11.94%
Dividend ratio	16.00%	12.00%	12.00%	12.00%	20.00%
Ratio of stock purchase		40.00%		50.25%	40.00%

REVENUE CHART

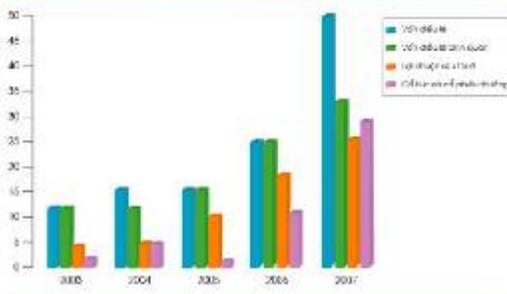


11/11/2010 20:00

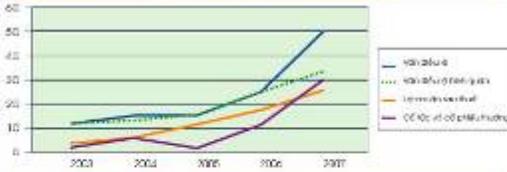


5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2003-2007 (H)

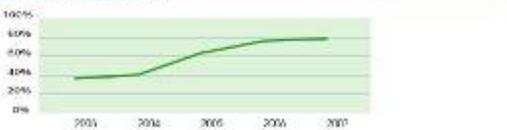
Vốn - Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức & Cổ phiếu thưởng (tỷ đồng)



Vốn - Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức & Cổ phiếu thưởng (tỷ đồng)



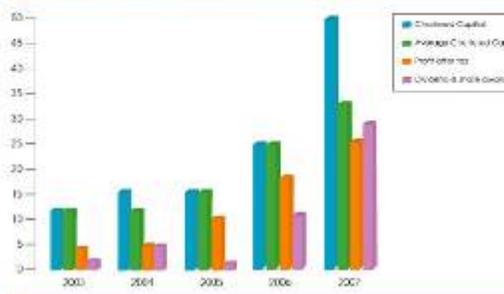
Ước vốn đầu tư bình quân



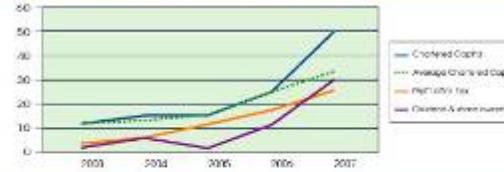
12/15/2007

5. RESULT OF PRODUCTION & TRADING ACTIVITIES OF 2003-2007 (cont.)

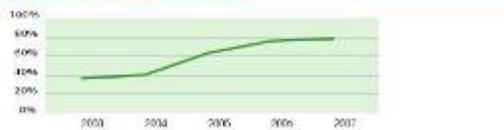
Capital - Profit after tax - Dividend & Share awards (Billion dong)



Capital - Profit after tax - Dividend & Share awards (Billion dong)



Profit after tax / Average Capital



12/15/2007



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007
 December 15th, 2007
 Tổng vốn đầu tư Công ty
 Investment of the Company
 Báo cáo tình hình đầu tư Công ty
 Company Investment Statement
 Tiến độ thực hiện các dự án
 Progress of Company Projects
 Công tác nghiên cứu
 The Research and Development

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2007

REPORT OF MANAGEMENT BOARD
 ON THE PRODUCTION AND TRADING ACTIVITIES OF 2007

- Công tác thị trường
Marketing activities
- Công tác quản lý tài chính
Company financial management
- Công tác tổ chức nhân sự
Human resources and organization
- Công tác xã hội
Social issues



1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2007

- Tổng doanh thu 214,06 tỷ đồng, tăng 19,35 % so năm 2006 và đạt 100,83 % so kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 23,74 tỷ đồng, tăng 36,59 % so năm 2006 và đạt 115,63 % so kế hoạch
- Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ bình quân: 89,23 %

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2006	KẾ HOẠCH 2007	THỰC HIỆN 2007	TỶ LỆ TH / KH	TỶ LỆ TH / KH
Tổng doanh thu	179.251.978.916	212.200.000.000	214.062.162.759	119,25 %	100,83 %
Tổng lợi nhuận	21.622.492.472	21.000.000.000	23.740.892.494	115,75 %	115,63 %

Tích lũy:

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2006	THỰC HIỆN 2007
Quỹ đầu tư phát triển	2.499.512.285	5.209.501.159
Quỹ dự phòng tài chính	597.953.490	607.226.010
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.744.513.524	18.266.354.709
Tổng cộng	3.094.079.289	23.975.071.878

Công ty liên tục thực hiện việc cải tiến và đổi mới thiết bị, hợp lý hóa sản xuất đã giúp quyết định được vấn đề năng suất - giá thành - chi phí kinh doanh hiệu quả hơn.

Theo sát tình hình thị trường, quyết định việc dự trữ nguyên vật liệu hợp lý ở từng thời kỳ.

- Giữ vững và phát triển thị trường.

- Các đơn vị thành viên tăng cường hoạt động hiệu quả và đồng bộ.

2007 (Số liệu kế hoạch)



1. OPERATING RESULTS 2007

- Revenues: 214,06 billion dong, increasing 19,35 % compared to 2006, and 100,83 % compared to 2007 target.
- Profit before-tax: 23,74 billion dong, increasing 36,59 % compared to 2006 and 115,63 % compared to 2007 target.
- Ratio of Profit before-tax/Average Chartered capital: 89,23 %

Unit: dong

ITEMS	ACHIEVED 2006	TARGET 2007	ACHIEVED 2007	Ratio Achieved 2007/2006	Ratio Achieved / Target
Revenue	179.251.978.916	212.200.000.000	214.062.162.759	119,25 %	100,83 %
Gross Profit	21.622.492.472	21.000.000.000	23.740.892.494	115,75 %	115,63 %

ACCUMULATION

Unit: dong

ITEMS	ACHIEVED 2006	ACHIEVED 2007
Investment development fund	2.499.512.285	5.209.501.159
Financial reserved fund	597.953.490	607.226.010
Profit after tax undistributed	9.744.513.524	18.266.354.709
Total	3.094.079.289	23.975.071.878

NAVICO has continuously and renovated its equipment and has rationalized the process of production to increase the productivity, reduce cost and ensure quality.

Closely following on market, which enables NAVICO to purchase and store raw materials on a timely basis.

- Holding firm the distribution network and expanding the market place.

- The Company's subsidiaries are effective in their business.

2007 (Số liệu kế hoạch)



2. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

2.1 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY 10,25 TỶ ĐỒNG LÊN 50 TỶ ĐỒNG BẢO VỆ CHẤT NÀM CỔ MẪU

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2007.
- Căn cứ Giấy chứng nhận chào bán số 99/UBCK-ĐKCB ngày 25/05/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Căn cứ quyết định số 155/AB-SGDCK ngày 30/08/2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận làm yết bổ sung.
- Công ty đã hoàn tất công tác phát hành và niêm yết bổ sung tăng vốn điều lệ Công ty từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.
- Bất kỳ phát hành mới của các cổ đông theo tỷ lệ 1:1. Số bán ra bằng mệnh giá.
- Mục đích: tái cấu trúc lại nguồn vốn.

2.2 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY 10 TỶ ĐỒNG LÊN 60 TỶ ĐỒNG BẢO VỆ CHẤT NÀM CỔ MẪU (từ 01/05/2007)

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26-07/NQ-ĐHĐCĐ-NAV ngày 01/11/2007.
- Căn cứ công văn số 1210/UBCK-QLP/ ngày 10/12/2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Công ty đã thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ công ty 10 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
 - + Chi cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu tương đương 20 % vốn điều lệ, tổng mệnh giá 20 tỷ đồng.
 - + Phát hành cổ phiếu thưởng tương đương 40 % vốn điều lệ, mệnh giá 20 tỷ đồng.

Nguồn thực hiện chi trả:

+ Tích lũy 2006	Quỹ đầu tư phát triển	2.499.512.285 đồng
	Lợi nhuận chưa phân phối	9.744.513.524 đồng
	Công nợ	12.244.126.809 đồng
+ Tích lũy 2007	Quỹ đầu tư phát triển & lợi nhuận chưa phân phối	17.755.674.191 đồng
	Tổng cộng	30.000.000.000 đồng

Tổng số kỳ còn lại sau khi chi 30 tỷ đồng

- Quỹ đầu tư phát triển & lợi nhuận chưa phân phối	5.771.991.677 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính	1.207.199.490 đồng
Tổng cộng	7.069.191.167 đồng

2007 (Số liệu kế hoạch)



2. INCREASING CHARTERED CAPITAL

2.1. Increase the Company's chartered capital from 25 billion dong to 50 billion dong by issuing additional shares

- Based on the Resolution of Shareholders' General Meeting 2007.
- Based on the Certificate of Share Public Offering No. 99/UBCK-ĐKCB dated 25/05/2007 of the State Securities Commission.
- Based on the Decision No. 155/AB-SGDCK dated 30/08/2007 of the HCM City's Stock Exchange approving the additional share listing.
- The Company completed the issuing and listing of additional shares to increase chartered capital from 25 billion dong to 50 billion dong.
- Issuing method: issuing shareholders of the report date with the ratio 1:1.
- Share price: nominal price.
- Issuing objective: capital structure.

2.2. Increasing the Company chartered capital from 50 billion dong to 60 billion dong by dividend payment and share awards of 2007

- Based on the Resolution of Shareholders' General Meeting No. 26-07/NQ-ĐHĐCĐ-NAV dated 01/11/2007.
- Based on the official document No. 1210/UBCK-QLP/ dated 10/12/2007 of State Securities Commission.
- The Company has carried out the procedures for raising chartered capital from 50 billion dong to 60 billion dong as follows:
 - + Paying 2007 dividend by shares equivalent to 20 % of chartered capital. Total nominal value sum is 10 billion dong.
 - + Issuing share awards equivalent to 40 % of chartered capital. Total nominal value sum is 20 billion dong.

Source of money for paying

+ 2006 accumulations - Investment development fund	2.499.512.285 đồng
- Undistributed earnings	9.744.513.524 đồng
Sub total:	12.244.126.809 đồng
+ 2007 accumulations - Investment development fund & undistributed earnings	17.755.674.191 đồng
Total	30.000.000.000 đồng

Balance of accumulation after paying 30 billion dong

- Investment development fund & undistributed earnings	5.771.991.677 đồng
- Financial reserved fund	1.207.199.490 đồng
Total	7.069.191.167 đồng

2007 (Số liệu kế hoạch)



3. ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY

- Căn cứ Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25-07/NQ-DHĐCĐ-NAV ngày 01/11/2007;
- Công ty đã thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu công ty màm yết tại Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính.

4. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

4.1 KHU KỸ NGHIỆP GỖ NAVFICO – THUNG LỘC (NA)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2007 thống nhất chủ trương về việc đầu tư khu kỹ nghiệp gỗ NAVFICO tại xã Hùng Lộc, huyện Thống Nhất, Đồng Nai, Công ty đã tiến hành các thủ tục xin đầu tư, khảo sát đất đai, lập phương án quy hoạch làm việc với cơ quan ban ngành hữu quan tại địa phương.

Ngày 13/11/2007 Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất có Quyết định số 2781/QĐ-UBND số Căn bản của Công ty Cổ Phần Nam Việt tham gia hội đồng đất đai huyện Thống Nhất – Cụm Công nghiệp Hùng Lộc.

Ngày 10/01/2008 Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 251/UBND-CHN chấp thuận chủ trương và thỏa thuận địa điểm cho Công ty Cổ Phần Nam Việt đầu tư khu kỹ nghiệp gỗ tại xã Hùng Lộc, huyện Thống Nhất.

4.2 KHU BÊ TÔNG THỦY NAVFICO TẠI PHƯỜNG HỢP BÌNH PHƯỚC, QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM

📍 **Location:** Khu đất tọa lạc tại Quốc lộ 13 Cầu Ông Đậu – Phường Hiệp Bình Phước – Quận Thủ Đức.

- Cách trung tâm Thành phố 45 Chi Minh khoảng 5,5 km, trung tâm hành chính của Đồng Nai khoảng 33 km và trung tâm hành chính của Bình Dương khoảng 16 km.
- Gần các địa điểm sinh hoạt văn hóa, học tập, chăm sóc sức khỏe, mua sắm và làm việc.

Thực hiện Nghị quyết 20-07/ND-DHĐCĐ-NAV ngày 01/11/2007 thống qua việc đầu tư Công ty đã tiến hành thỏa thuận đất đai chuyển nhượng quyền sử dụng đất 8.902 m² với tổng giá trị 91.606.750.000 đ (giá bình quân 5009,066 đ/m²)

2024 NAVFICO 2024



3. COMPANY REGULATION AMENDMENT

- Based on the Decision No. 15/2007/QĐ-BTC dated 19/03/2007 of the Finance Ministry.
- Based on the Resolution of Shareholders' General Meeting No. 25-07/NQ-DHĐCĐ-NAV dated 01/11/2007.
- The Company Regulation has been amended to conform with the Listed Company Regulation on Securities attached to the Decision No. 15/2007/QĐ-BTC dated 19/03/2007 of the Finance Ministry.

4. PROGRESS OF COMPANY'S PROJECT

4.1 NAVFICO WOOD PRODUCTS INDUSTRIAL PARK – DONG NAU PROVINCE

Implementing the Resolution of Shareholders' General Meeting 2007 guideline to the NAVFICO Wood Products Industrial Park in Hung Loc Commune, Thung Nhat District Dong Nai Province, the Company has carried out the procedure such as contacting authorities for investment application, surveying the project area for compensation work setting up the general plan etc.

On 13/11/2007, the People Committee of Thung Nhat District promulgated the Decision No. 2781/QĐ-UBND naming NAVFICO's fields as the members of Compensation Council of Thung Nhat District – Hung Loc Industrial Zone.

On 10/01/2008, the People Committee of Dong Nai Province promulgated the Decision No. 251/UBND-CHN agreeing the planning and the location for Nam Viet Joint Stock Company to invest a wood processing complex in Hung Loc Commune, Thung Nhat District, Dong Nai Province.

4.2 NAVFICO WILAS PROJECT AT HEP BINH PHUOC WARD, THU DUC DISTRICT, HO CHI MINH CITY

📍 **Location:** The land is near Ông Đậu bridge on National Road #13, Hep Binh Phuoc Ward, Thu Duc District.

- 5.5 km from HCM City Center, 23 km from Dong Nai administration center and 16 km from Binh Duong administration center.
- Near cultural, educational center, health care, shopping and offices.

Implementing the Resolution of Shareholders' General Meeting No. 20-07/ND-DHĐCĐ-NAV dated 01/11/2007, NAVFICO had the agreement to compensate the transfer of the land use right of 8.902 sqm with an amount of 91,606,750,000 dong (5,009,066 dong/m²).



4. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tt)

4.3 DỰ ÁN SẢN XUẤT TẤY XI MĂNG SỢ CAO CẤP

Công ty đã chủ động nghiên cứu công nghệ mới tiên tiến có độ sản xuất tấm PVA cũng với vỏ khóa cốt và bền bỉ với các nhà cung cấp thiết bị và công nghệ để chọn thiết bị và công nghệ đầu tư. Sau khi xác định phương án an toàn và kế hoạch công ty sẽ tiến hành hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

5. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU

Công ty đã nghiên cứu và chế tạo thành công thiết bị tự động kiểm tra tấm tấy. Nghiên cứu và hợp lý hóa quy trình sản xuất trong sản xuất tấm tấy tự chế biến gỗ.

6. CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Với chất lượng và uy tín trong kinh doanh, công ty đã giữ vững được thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và mở rộng ra ngoài nước.

- Thị trường nội địa: Đồng bằng sông Cửu Long (trần tấy)
- Thị trường xuất khẩu: Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc ... (sản phẩm gỗ nội thất); các nước Bắc Phi (tấm tấy nhựa)

7. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Tuân thủ các qui định của Nhà nước về chế độ hạch toán kế toán và các chuẩn mực kế toán.
- Quản lý và sử dụng đồng vốn an toàn và hiệu quả, điều phối đáp ứng nhu cầu vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân định chính xác, kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ hiệu quả công tác điều hành.

8. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Công ty tiếp tục thực hiện việc chuẩn hóa bộ máy tổ chức và nhân sự để phù hợp với việc phát triển công ty.

Việc tuyển dụng, đào tạo và qui hoạch gắn liền với chế độ lương, thưởng phù hợp khuyến khích người lao động nỗ lực và gắn bó với công ty.

9. CÔNG TÁC XÃ HỘI

Công ty tham gia các hoạt động xã hội như chương trình ủng hộ đồng bào và các địa phương bị thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương và bảo trợ trẻ em nghèo mồ côi khuyết tật.

2024 NAVFICO 2024



V4. PROGRESS OF COMPANY'S PROJECT (cont.)

4.3 THE HIGH GRADE FIBER BOARDS PROJECT

NAVFICO is actively researched to invest into the existing fiber cement line to produce PVA cement boards. At the same time, the Company has also surveyed the suppliers of technology and equipment. After identifying the safety and feasibility of the project, we will submit it to Shareholder's General Meeting for consideration.

5. THE RESEARCH AND DEVELOPMENT

- The Company researched and successfully fabricated the automatic roofing sheet detector machine.
- Improve the production process of roofing sheet and wood processing.

6. MARKETING OPERATION

By its quality and prestige, the Company not only holds on to the domestic market but also expands its overseas market.

- Domestic market: Mekong Delta provinces (Roofing sheet).
- Export markets: The U.S., Canada, EU, Japan, Korea, etc (Indoor wood products) and some countries in North Africa (colored roofing sheets).

7. FINANCE MANAGEMENT

Ensuring the compliance with the Vietnamese Accounting Standards and Policies on accounting system and criteria.

Managing and using the capital safely and efficiently, regulating the capital that best meets the demand of the production and business activities.

Providing accounts and timely report on the production and business activities for effective management.

8. HUMAN RESOURCES AND ORGANIZATION

The Company has continued to build the organization and the human resource in keeping with the development of the Company.

- Enhancing the quality of recruiting, training and deploying the officers and employees, paying attention to adjust the workers' income to attract their enthusiasm to the Company.

9. SOCIAL WORKS

Supporting relief to victims of the natural calamity areas, offering charity houses and taking part in sponsor of orphans, underprivileged and neglects children.

2024 NAVFICO 2024

Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh
Production & Business plan

Kế hoạch trích quỹ, thù lao HĐQT, BKS và cổ tức
Plan of profit distribution and remuneration of board of directors
and Supervisory Board - Dividend

Dự án đầu tư
Investment

Kế hoạch tổng vốn đầu tư
Total investment plan

Quy hoạch phát triển năm 2008
2008 business plan

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2008

Production & Business targets 2008

1. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tổng doanh thu: 246.200 tỷ đồng, tăng 15,01% so năm 2007
- Lợi nhuận trước thuế: 32.280 tỷ đồng, tăng 12,50% so năm 2007

- Tỷ suất lợi nhuận doanh thu: 13,11%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn đầu tư: 32,28%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn đầu tư: 27,93%

2. KẾ HOẠCH TRÍCH QUỸ, THÙ LAO HĐQT, BKS VÀ CỔ TỨC

- Quỹ đầu tư phát triển: 8% lợi nhuận sau thuế và phần ưu đãi miễn giảm thuế
- Quỹ dự trữ tài chính: 2% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng: 2% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ phúc lợi: 2% lợi nhuận sau thuế
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 5% lợi nhuận sau thuế và sau khi trích các quỹ
- Mức chi cổ tức: 12%/năm

1. PRODUCTION AND BUSINESS PLAN

- Business: 246,200 billion dong, increase 15.01% over 2007
- Profit before tax: 32,280 billion dong, increase 12.50% over 2007

- Ratio of Profit / Revenue: 13.11%
- Ratio of Profit before-tax / Chartered capital: 32.28%
- Ratio of Profit after-tax / Chartered capital: 27.93%

2. PLAN OF PROFIT DISTRIBUTION - REMUNERATION OF BOARD OF DIRECTORS AND SUPERVISORY BOARD - DIVIDEND

- Investment and development fund: 8% profit after-tax plus preferential tax reduction
- Financial reserved fund: 2% profit after-tax
- Bonus fund: 2% profit after-tax
- Welfare fund: 2% profit after-tax
- Board of directors and Supervisory board remuneration: 5% profit after-tax and after distributing funds
- Dividend ratio: 12%/year



01/00000000000000000000



01/00000000000000000000



3. ĐẦU TƯ DỰ ÁN

3.1 DỰ ÁN KHU KỸ NGHỆ GỖ NAVIFCO

- Địa điểm: Xã Hùng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Bình Nhâm
- Mô tả:
 - o Cảnh quốc tế T.A.
 - o Cách tuyến đường quốc lộ Long Thành – TP Hồ Chí Minh khoảng 2,5 km
 - o Cách sân bay quốc tế Long Thành khoảng 40 km
 - o Cách công viên Ngh. Th. Việt Trì, Bà Rịa Vũng Tàu (khoảng 60 km)
 - o Cách khu công nghiệp Biên Hòa, An Lộc, Long Bình khoảng 30 km
 - o Cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 60 km

- Diện tích đất sử dụng: 42 ha
- Mục tiêu đầu tư: 01 dự án gỗ laminat
- Tổng trị giá đầu tư: 435 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: 2008 – 2011
- Hình thức đầu tư: vốn công ty và các nhà đầu tư chiến lược
- Doanh số: 1.362 tỷ đồng / năm
- Lợi nhuận: 166 tỷ đồng / năm

Dự kiến năm 2012 bắt đầu đi vào hoạt động

3.2 DỰ ÁN KHU BỆT THỬ NAVIFCO TẠI PHƯỜNG 11, PHƯỜNG 12, QUẬN THỦ ĐỨC

- Căn cứ văn bản 126/UBND – ngày 25/01/2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc thỏa thuận địa điểm dự án
- Dự kiến tổng diện tích quy hoạch 20.000 m²
- Mục tiêu đầu tư chia thành 02 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: diện tích 12.372 m²
 - + Giai đoạn 2: diện tích 7.628 m²

- Giai đoạn 1: 12.372 m² (diện tích sử dụng: 12.372 m² - 8.903 m² = 3.467 m²)
- Tổng trị giá đầu tư: 109,5 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: 2008 – 2011
- Hình thức đầu tư: 20,3 tỷ đồng
- Tỷ suất thu hồi vốn: 109,5 / 20,3 = 5,39%
- Phương thức huy động vốn: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược

03/11/2008/03/2008



3. PROJECT INVESTMENT

3.1. Project NAVIFCO Wood Products Industrial Park

- Place: Hùng Lộc Commune, Thống Nhất District, Dong Nai Province
- Advantages of location: The Park is adjacent National Highway 14. The distance from NAVIFCO Wood Products Industrial Park to the following:
 - o 2,5 km to the Paschal Enclave-way HCMC- Long Thanh.
 - o 40 km to Long Thanh International Airport
 - o 60 km to Cai Mep, Thi Vai Seaport (Ba Rịa Vũng Tàu)
 - o 30 km to Biên Hòa, An Lộc, Long Bình Industrial Zone
 - o 60 km to the center of Ho Chi Minh City

- Investment objective: Wood Products Industrial Park
- Invested capital: 435 billion dong
- Implementation time: 2008 – 2011
- Method of mobilizing the capital: mobilizing capital from stock market and strategic partners
- Annual revenue: 1,362 billion dong
- Annual profit: 166 billion dong
- Estimated date of initial operations: 2012

3.2. The Project NAVIFCO Villa of Hiệp Bình Phước Commune, Thủ Đức District, Ho Chi Minh City

- On 25/01/2008, the People Committee of the City District promulgated the Decision No. 126/UBND-UBST approving place of project.
- Planned land area of project: 20,000 sqm.
- The investment is divided into 2 stages:
 - Stage 1: land area 12,372 sqm
 - Stage 2: land area 7,628 sqm

- Stage 1: 12,372 sqm (the expansion land area: 12,372 sqm - 8,903 sqm = 3,467 sqm)
- Invested capital: 109,5 billion dong
- Implementation time: 2008 – 2011
- Profit: 20,3 billion dong
- Internal Rate Of Return (IRR): 20,3%
- Method of mobilizing the capital: Issue shares to existing shareholders and strategic shareholders.

03/11/2008/03/2008



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

DỰ KIẾN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỰ NGAY TỶ ĐỒNG LÊN 100 TỶ ĐỒNG

Mục đích: huy động vốn đợt 1 để thực hiện dự án Khu kỹ nghệ gỗ NAVIFCO và khu biệt thự NAVIFCO

Số lượng phát hành

Số phát hành điều lệ: 2.000.000 cổ phiếu (tổng mệnh giá 20 tỷ đồng)

trong đó:

- Cổ đông chiến lược: 500.000 cổ phiếu (tổng mệnh giá 5 tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 25 % tổng số phát hành. Để đảm bảo quyền lợi cổ đông hiện hữu, giá bán do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu, dự kiến bằng 80 % giá trị thường tại thời điểm Công ty được cấp giấy chứng nhận chào bán, số cổ phiếu này hạn chế không được chuyển nhượng trong 3 năm.
- Cổ đông hiện hữu: 1.500.000 cổ phiếu (tổng mệnh giá 15 tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 75 % tổng số phát hành. Tỷ số các cổ đông ở thời điểm chốt danh sách phát hành được mua theo tỷ lệ 1:0,33 (tỷ số cổ đông ở hầu 16 cổ phiếu thì được mua 3 cổ phiếu mới, số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu là phát sinh và số cổ phiếu không được cổ đông mua hết theo phương thức thực hiện quyền mua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định). Giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu

Thời gian đi kiện: quý 3 năm 2008. Thời gian có thể điều chỉnh tùy thuộc vào thời gian xét duyệt và cấp phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

1. Tập trung tạo sản phẩm ai cũng cần, đặc biệt là các sản phẩm che nắng cầu kỳ, dùng lại đồ gỗ
2. Mở rộng xuất khẩu sang Hoa Kỳ thông qua việc liên kết với các tổ chức hỗ trợ tại chính quốc là như GE Commercial Distribution Finance Corporation thuộc tập đoàn General Electric Hoa Kỳ...
3. Xây dựng thị phần sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội
 - + Mở hội chợ công trình kiến trúc: Hợp tác với các tổ chức công ty xây dựng địa ốc, vốn phòng kiến trúc sư tình thành phố.
 - + Thành lập bộ phận thiết kế mẫu mã sản phẩm thương hiệu NAVIFCO cho thị trường quốc tế và nội địa.
4. Xây dựng thương hiệu NAVIFCO thành một thương hiệu mạnh
5. Hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự để đáp ứng yêu cầu phát triển công ty.

03/11/2008/03/2008



CHARTERED CAPITAL INCREASE PLAN

Chartered capital is planned to increase from 50 billion dong to 100 billion dong. Purpose: mobilizing capital stage 1 for NAVIFCO Wood Products Industrial Park and NAVIFCO Villa projects.

Objectives:

Issue shares: 2,000,000 (total nominal value: 20 billion dong)

in which:

- + Strategic shareholders: 500,000 shares (total nominal value: 5 billion dong) equal to 25 % of all issued shares. In order to guarantee the interest of existing shareholders, the share price will be decided by Board of Directors that not lower than the price sold for existing shareholders, which is estimated equivalent to 80% market price at the time that the Company is granted the Certificate of Share Public Offering. Those shares cannot be transferred by shareholders in 3 years.
- + Existing shareholders: 1,500,000 shares (total nominal value: 15 billion dong) equal to 75 % of all issued shares. Issuing a 1:0,33 right to buy to existing shareholders of the report date. If the shareholders hold 16 shares have the right to buy 3 new shares. The additional quantity of shares issued for existing shareholders is rounded down. The status of the old shares that exist and the new shares will be determined by the Board of Directors. The share price: 20,000 dong/ share.

Estimated time: in the third quarter of 2008. The issue time is able to adjust depending upon the approval of State Securities Commission.

YEAR 2008 ACTION PROGRAM

1. Diversifying fiber cement boards, specially the high grade boards that meet the demand of construction and decoration in the urban area.
2. Expand export to the U.S. through the cooperation with the international finance organization GE Commercial Distribution Finance Corporation which belongs to General Electric Group.
3. Penetrating the domestic market for wood products, particularly Hanoi and Ho Chi Minh City.
 - Cooperating with construction, real estate and architectural companies.
 - Strengthen the design capabilities which will lead to new models for NAVIFCO wood products.
4. Branding the NAVIFCO trade mark in domestic and overseas market.
5. Enhance the personnel quality and consolidate the organization to meet the needs of developing and expanding of the Company.

03/11/2008/03/2008

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

Financial Statements in year 2007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

Doanh thu	214.062.162.789 đ
Lợi nhuận trước thuế	29.743.952.464 đ
Lợi nhuận sau thuế	25.552.126.062 đ

Vốn điều lệ:	50.000.000.000 đ
Mã chứng khoán	NAV
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đ
Tổng số cổ đông: 1.765 cổ đông (thời điểm 09/01/2008)	
85 cổ phiếu	
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000 CP
Cơ cấu sở hữu	
- Sở hữu Nhà nước: chiếm tỷ lệ 20%	1.000.000 CP
- Nhà đầu tư nước ngoài: chiếm tỷ lệ 5,48%	273.760 CP
- Nhà đầu tư trong nước: chiếm tỷ lệ 74,52%	3.726.240 CP

Một số chỉ tiêu tài chính

A/ Khả năng sinh lợi	
1/ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	
1.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	13,42 %
1.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	11,94 %
2/ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	
2.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	20,06 %
2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	17,83 %
3/ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	
3.1 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	28,41 %
3.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân	78,05 %

B/ Khả năng thanh toán	
1/ Khả năng thanh toán hiện hành	2,69 lần
2/ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	2,10 lần
3/ Khả năng thanh toán nhanh	0,15 lần

C/ Giá trị 01 cổ phiếu (31/12/2007)	17.989 đ
--	-----------------

FINANCIAL STATEMENTS IN YEAR 2007

Revenue	214.062.162.789 dong
Profit before-tax	29.743.952.464 dong
Profit after-tax	25.552.126.062 dong

Sharehold capital	50.000.000.000 dong	
Stock symbol	NAV	
Nominal value	10.000 dong/share	
Shareholder: 1.765 shareholders (at 09/01/2008)		
Common shares	5.000.000	
Ownership structure		
State shareholder	20,06 %	1.000.000 shares
Foreign shareholders	5,48 %	273.760 shares
Inland shareholders	74,52 %	3.726.240 shares

Some financial indexes

A. Profitability Ability	
1. Ratio of return on sales	
1.1 Ratio of earning before-tax on sales	13,42 %
1.2 Ratio of earning after-tax on sales	11,94 %
2. Ratio of return on total assets	
2.1 Ratio of earning before-tax on total assets	20,06 %
2.2 Ratio of earning after-tax on total assets	17,83 %
3. Ratio of return on owner's equity	
3.1 Ratio of earning after-tax on owner's equity	28,41 %
3.2 Ratio of earning on average chartered capital	78,05 %

B. Liquidation	
1. Current liquidation	2,69 times
2. Liquidation of current asset to current liabilities	2,10 times
3. Quick liquidation	0,15 times

C. Book value/share (31/12/2007)	17.989 dong
---	--------------------

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
 Auditing & Information Services Company
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 Số điện thoại: 84 (0) 81 520 2000 Fax: 84 (0) 81 520 2000
 Email: info@navico.vn Website: www.navico.vn



BÁO CÁO KẾT QUẢ
NĂM 2007
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Đối tượng: Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Nam Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Nam Việt gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 31/12/2007 đến ngày 31/12/2007 của Công ty Cổ Phần Nam Việt trong 17, 18 và 19 số trang này được soạn thảo phù hợp với Hệ thống chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Mục tiêu của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính chính xác của Báo cáo tài chính và các khoản chi phí tài chính. Tính chính xác của chúng tôi là dựa trên các ý kiến của các kiểm toán viên có trình độ kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:
 Chúng tôi đã thực hiện các kiểm toán theo những quy định của Hệ thống chế độ kế toán Việt Nam và kiểm toán phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trên cơ sở hiểu những các vấn đề báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Nam Việt và các thông tin khác liên quan đến các số liệu này. Các kiểm toán viên đã tiến hành đánh giá về tính đúng đắn và chính xác của các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Các kiểm toán viên đã tiến hành đánh giá về tính đúng đắn và chính xác của các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Các kiểm toán viên đã tiến hành đánh giá về tính đúng đắn và chính xác của các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã tiếp tục hoàn thiện các thông tin báo cáo tài chính và các thông tin khác liên quan đến các số liệu này. Chúng tôi đã tiếp tục hoàn thiện các thông tin báo cáo tài chính và các thông tin khác liên quan đến các số liệu này.

Ý kiến của kiểm toán viên
 Theo ý kiến của chúng tôi, các cáo báo cáo tài chính và các thông tin khác liên quan đến các số liệu này, các thông tin khác liên quan đến các số liệu này, các thông tin khác liên quan đến các số liệu này, các thông tin khác liên quan đến các số liệu này.

Kiểm toán viên
 Trương Hữu Thủy
 Số chứng chỉ KTV: 0212872

Trưởng Ban Quản Lý
 Nguyễn Hữu Hùng
 Số chứng chỉ KTV: 0212872

Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.

FINANCIAL STATEMENTS IN YEAR 2007



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
 Auditing & Information Services Company
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 Số điện thoại: 84 (0) 81 520 2000 Fax: 84 (0) 81 520 2000
 Email: info@navico.vn Website: www.navico.vn



AUDITOR'S REPORT
FOR THE FISCAL YEAR 2007
NAM VIET JOINT STOCK COMPANY

To: The Board of Management & the Board of General Directors of Nam Viet Joint Stock Company

We have audited the financial statements of Nam Viet Joint Stock Company from page 4 to page 17 for the year from 31/12/2007 to 31/12/2007, consisting of Balance Sheet, Income Statement, Cash Flow Statement and Notes to the financial statements. The financial statements are prepared in compliance with Vietnamese standards on accounting.

The Board of General Directors is responsible for the preparation of the financial statements. It is our responsibility as auditors to express an independent opinion based on our audit of these financial statements.

Basis of auditing
 We conducted our audit in accordance with the regulations of the State of Vietnam on accounting and auditing systems, and in compliance with Vietnamese Standards on Auditing.

Our audit includes examination, on a test basis, of evidence relevant to the amounts and disclosures in the financial statements. It also includes an assessment of accounting principles used, the significant estimates, judgments made by the Board of Directors in preparation of the financial statements, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We deemed our audit to provide a reasonable basis for our opinion on the information and disclosures included in the financial statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Auditor's opinion:
 In our opinion, the financial statements give a true and fair view of the financial position, of the results of activities of the Company for the fiscal year from 31/12/2007 to 31/12/2007 and of the results of its operations for the year then ended, prepared in compliance with the Vietnamese standards on accounting and the relevant statutory requirements.

Auditor's name:
 Trương Hữu Thủy
 Audit Certificate No: 0212872

Trưởng Ban Quản Lý
 Nguyễn Hữu Hùng
 Audit Certificate No: 0212872

Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.
 Địa chỉ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 (0) 81 520 2000. Fax: 84 (0) 81 520 2000. Email: info@navico.vn. Website: www.navico.vn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVICO)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số 801- DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V.01	111,622,764,949	79,452,060,903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,939,613,459	5,229,183,424
1. Tiền	111		7,939,613,459	5,229,183,424
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		62,403,986,638	29,452,136,877
1. Phải thu ngắn hạn hàng	131		49,033,145,233	26,665,263,949
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	132		20,471,403,756	2,112,099,307
3. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,897,437,647	674,743,621
IV. Hàng tồn kho	140		40,404,422,144	42,966,652,719
1. Hàng tồn kho	141	V.04	40,404,422,144	42,966,652,719
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		672,732,708	1,804,087,863
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162		642,401,527	
2. Tài sản ngắn hạn khác	168		30,331,181	61,686,356
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31,702,247,348	29,693,103,160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		20,029,256,348	16,352,503,160
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	19,771,491,120	15,967,708,878
Nguyên giá	222		49,156,668,679	32,587,376,828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29,385,177,209)	(17,619,668,950)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	225	V.11	257,764,378	2,764,794,302
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		11,672,991,000	11,540,600,000
1. Đầu tư dài hạn khác	263	V.13	11,672,991,000	11,540,600,000
V. Tài sản dài hạn khác	280			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143,325,012,297	109,145,164,063

FINANCIAL STATEMENTS IN YEAR 2007

NAM VIET JOINT STOCK COMPANY (NAVICO)
BALANCE SHEET

Sample No 801- DN

As at December 31, 2007

Unit: VND

ASSETS	CODE	NOTES	31/12/2007	01/01/2007
A. SHORT-TERM ASSETS	100	V.01	111,622,764,949	79,452,060,903
I. Cash and cash equivalents	110		7,939,613,459	5,229,183,424
1. Cash	111		7,939,613,459	5,229,183,424
II. Short-term investments	120			
III. Receivables	130		62,403,986,638	29,452,136,877
1. Trade receivables	131		49,033,145,233	26,665,263,949
2. Advances to suppliers	132		20,471,403,756	2,112,099,307
3. Other receivables	135	V.03	1,897,437,647	674,743,621
IV. Inventories	140		40,404,422,144	42,966,652,719
1. Inventories	141	V.04	40,404,422,144	42,966,652,719
V. Other current assets	160		672,732,708	1,804,087,863
1. Deductible VAT	162		642,401,527	
2. Other current assets	168		30,331,181	61,686,356
B. LONG-TERM ASSETS	200		31,702,247,348	29,693,103,160
I. Long-term receivables	210			
II. Fixed assets	220		20,029,256,348	16,352,503,160
1. Tangible fixed assets	221	V.05	19,771,491,120	15,967,708,878
Cost	222		49,156,668,679	32,587,376,828
- Accumulated depreciation	223		(29,385,177,209)	(17,619,668,950)
2. Works in progress	225	V.11	257,764,378	2,764,794,302
III. Investment Property	240			
IV. Long-term investments	260		11,672,991,000	11,540,600,000
1. Other long-term investments	263	V.13	11,672,991,000	11,540,600,000
V. Other long-term investments	280			
TOTAL ASSETS	270		143,325,012,297	109,145,164,063

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007					FINANCIAL STATEMENTS IN YEAR 2007						
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVIFICO)					NAM VIET JOINT STOCK COMPANY (NAVIFICO)						
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					BALANCE SHEET						
Ngày 31 tháng 12 năm 2007					As of December 31 2007						
Đơn vị: Triệu VND					Unit: VND						
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007	RESOURCES		CODE	NOTES	31/12/2007	01/01/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		53,378,025,277	66,662,723,833	A. LIABILITIES		300		53,378,025,277	66,662,723,833
I. Ngắn hạn		310		53,265,436,692	66,536,174,843	I. Short-term liabilities		310		53,265,436,692	66,536,174,843
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	33,499,869,643	32,603,807,314	1. Short-term borrowing and liability		311	V.16	33,499,869,643	32,603,807,314
2. Phải trả cho người bán		312		6,764,113,668	19,640,843,890	2. Payables to suppliers		312		6,764,113,668	19,640,843,890
3. Người mua trả tiền trước		313		4,562,275,076	3,495,683,654	3. Advances from customers		313		4,562,275,076	3,495,683,654
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	3,136,616,170	2,036,198,346	4. Taxes and other statutory obligations		314	V.16	3,136,616,170	2,036,198,346
5. Phải trả người lao động		315		2,261,309,599	4,106,416,776	5. Payables to employees		315		2,261,309,599	4,106,416,776
6. Chi phí phải trả		316	V.17	268,865,832	89,537,341	6. Accruals		316	V.17	268,865,832	89,537,341
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.16	2,489,040,256	5,562,787,022	9. Other payables		319	V.16	2,489,040,256	5,562,787,022
II. Nợ dài hạn		330		117,586,586	127,548,990	I. Long-term liabilities		330		117,586,586	127,548,990
4. Vay và nợ dài hạn		332	V.20			4. Long-term borrowing & liabilities		332	V.20		
6. Dự phòng trãi odds mới về tài sản		336		117,586,586	127,548,990	6. Provision for severance allowances		336		117,586,586	127,548,990
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		89,946,977,020	40,662,440,250	B. OWNERS' EQUITY		400		89,946,977,020	40,662,440,250
I. Nguồn vốn chủ		410	V.22	87,065,151,167	38,094,079,289	I. Owners' equity		410	V.22	87,065,151,167	38,094,079,289
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		50,000,000,000	25,000,000,000	1. Owners' invested equity		411		50,000,000,000	25,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		7,796,113,668	2,499,612,285	7. Investment and development fund		417		7,796,113,668	2,499,612,285
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		1,297,169,490	829,953,480	8. Financial reserve fund		418		1,297,169,490	829,953,480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		28,012,818,233	9,744,513,524	10. Undistributed earnings		420		28,012,818,233	9,744,513,524
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		430		2,877,825,853	2,568,360,961	II. Budget sources and other funds		430		2,877,825,853	2,568,360,961
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		431		2,877,825,853	2,568,360,961	7. Bonus and welfare funds		431		2,877,825,853	2,568,360,961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		143,325,002,297	109,345,164,083	TOTAL RESOURCES		440		143,325,002,297	109,345,164,083

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					OFF BALANCE SHEET ITEMS				
NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007	ITEMS		NOTES	31/12/2007	01/01/2007
5. Ngoại tệ các loại (USD)			365,122.48	190,963.52	5. Foreign currency (USD)			365,122.48	190,963.52

Người Lập báo	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 01 năm 2008
		Trần Thị Mỹ Thành
		Thái Thanh Thủy
		Trần Thị Mỹ Thành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007					FINANCIAL STATEMENTS IN YEAR 2007						
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVIFICO)					NAM VIET JOINT STOCK COMPANY (NAVIFICO)						
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					BALANCE SHEET						
Ngày 31 tháng 12 năm 2007					As of December 31 2007						
Đơn vị: Triệu VND					Unit: VND						
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007	RESOURCES		CODE	NOTES	31/12/2007	01/01/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		53,378,025,277	66,662,723,833	A. LIABILITIES		300		53,378,025,277	66,662,723,833
I. Ngắn hạn		310		53,265,436,692	66,536,174,843	I. Short-term liabilities		310		53,265,436,692	66,536,174,843
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	33,499,869,643	32,603,807,314	1. Short-term borrowing and liability		311	V.16	33,499,869,643	32,603,807,314
2. Phải trả cho người bán		312		6,764,113,668	19,640,843,890	2. Payables to suppliers		312		6,764,113,668	19,640,843,890
3. Người mua trả tiền trước		313		4,562,275,076	3,495,683,654	3. Advances from customers		313		4,562,275,076	3,495,683,654
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	3,136,616,170	2,036,198,346	4. Taxes and other statutory obligations		314	V.16	3,136,616,170	2,036,198,346
5. Phải trả người lao động		315		2,261,309,599	4,106,416,776	5. Payables to employees		315		2,261,309,599	4,106,416,776
6. Chi phí phải trả		316	V.17	268,865,832	89,537,341	6. Accruals		316	V.17	268,865,832	89,537,341
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.16	2,489,040,256	5,562,787,022	9. Other payables		319	V.16	2,489,040,256	5,562,787,022
II. Nợ dài hạn		330		117,586,586	127,548,990	I. Long-term liabilities		330		117,586,586	127,548,990
4. Vay và nợ dài hạn		332	V.20			4. Long-term borrowing & liabilities		332	V.20		
6. Dự phòng trãi odds mới về tài sản		336		117,586,586	127,548,990	6. Provision for severance allowances		336		117,586,586	127,548,990
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		89,946,977,020	40,662,440,250	B. OWNERS' EQUITY		400		89,946,977,020	40,662,440,250
I. Nguồn vốn chủ		410	V.22	87,065,151,167	38,094,079,289	I. Owners' equity		410	V.22	87,065,151,167	38,094,079,289
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		50,000,000,000	25,000,000,000	1. Owners' invested equity		411		50,000,000,000	25,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		7,796,113,668	2,499,612,285	7. Investment and development fund		417		7,796,113,668	2,499,612,285
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		1,297,169,490	829,953,480	8. Financial reserve fund		418		1,297,169,490	829,953,480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		28,012,818,233	9,744,513,524	10. Undistributed earnings		420		28,012,818,233	9,744,513,524
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		430		2,877,825,853	2,568,360,961	II. Budget sources and other funds		430		2,877,825,853	2,568,360,961
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		431		2,877,825,853	2,568,360,961	7. Bonus and welfare funds		431		2,877,825,853	2,568,360,961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		143,325,002,297	109,345,164,083	TOTAL RESOURCES		440		143,325,002,297	109,345,164,083

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					OFF BALANCE SHEET ITEMS				
NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007	ITEMS		NOTES	31/12/2007	01/01/2007
5. Ngoại tệ các loại (USD)			365,122.48	190,963.52	5. Foreign currency (USD)			365,122.48	190,963.52

Người Lập báo	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 01 năm 2008
		Trần Thị Mỹ Thành
		Thái Thanh Thủy
		Trần Thị Mỹ Thành

CHẾ ĐỘ	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1- Lợi nhuận trước thuế	01		28.743.952.464	21.053.490.472
2- Điều chỉnh cho các khoản:			4.296.742.791	4.136.125.566
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.657.235.934	3.263.292.032
- Lợi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03		10.347.489	(154.819.630)
- Lợi lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(2.103.146.819)	(3.536.918.526)
- Chi phí lãi vay	06		2.749.390.220	2.133.201.230
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi lưu động	00		33.040.695.245	25.186.075.819
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(32.037.694.295)	(5.081.281.013)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		2.862.235.675	(17.084.537.856)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(14.809.983.850)	7.597.785.267
- Tiền lãi vay đã trả	12		(2.749.390.220)	(2.133.201.230)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14		(2.865.162.293)	(610.767.280)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		179.949.000	561.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.305.884.157)	(2.176.102.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.737.623.343)	7.783.402.588
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(5.351.421.735)	(10.196.355.234)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.827.811.235	203.405.933
3- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(337.371.000)	(3.240.900.000)
4- Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lãi thuần được cấp	27		1.676.874.815	1.154.958.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.191.126.685)	(12.048.530.594)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		25.000.000.000	
2- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	35		770.111.226.934	(31.404.538.524)
3- Tiền chi trả nợ gốc vay	36		(771.137.104.715)	(123.029.804.433)
4- Chi trả, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(1.785.000.000)	(2.100.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.093.423.209	(6.241.933.891)
Lưu chuyển tiền thuần tổng cộng	50		2.730.772.181	1.936.836.685
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.229.183.424	3.290.818.146
- Amortizing costs thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.347.185)	1.599.593
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.928.613.428	5.229.183.424

ITEMS	CODE	NOTES	2007	2006
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1- Profit before tax	01		28,743,952,464	21,053,490,472
2- Adjustments for:			4,296,742,791	4,136,125,566
- Depreciation	02		3,657,235,934	3,263,292,032
- Unrealized foreign exchange profit/loss	03		10,347,489	(154,819,630)
- Profit/loss from investing activities	06		(2,103,146,819)	(3,536,918,526)
- Interest expense	06		2,749,390,220	2,133,201,230
3- Operating profit/(loss) before changes in working capital	00		33,040,695,245	25,186,075,819
- Increase/decrease in receivables	09		(32,037,694,295)	(5,081,281,013)
- Increase/decrease in inventories	10		2,862,235,675	(17,084,537,856)
- Increase/decrease in payables	11		(14,809,983,850)	7,597,785,267
- Interest paid	12		(2,749,390,220)	(2,133,201,230)
- Corporate income tax paid	14		(2,865,162,293)	(610,767,280)
- Other receipts from operating activities	15		179,949,000	561,000,000
- Other payments on operating activities	16		(5,305,884,157)	(2,176,102,292)
Net cash inflows/(outflows) from operating activities	30		(16,737,623,343)	7,783,402,588
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1- Purchase of fixed assets and other long-term assets	21		(5,351,421,735)	(10,196,355,234)
2- Proceeds from sales, disposals of fixed assets	22		1,827,811,235	203,405,933
3- Investments in other entities	25		(337,371,000)	(3,240,900,000)
4- Dividends and interest received	27		1,676,874,815	1,154,958,757
Net cash inflows/(outflows) from investing activities	30		(2,191,126,685)	(12,048,530,594)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1- Proceeds from sale of shares and capital contribution	31		25,000,000,000	
2- Proceeds from borrowings	35		770,111,226,934	(31,404,538,524)
3- Payments of borrowings	36		(771,137,104,715)	(123,029,804,433)
4- Dividends paid	38		(1,785,000,000)	(2,100,900,000)
Net cash flows/(outflows) from financing activities	40		34,093,423,209	(6,241,933,891)
Net cash flows in the period	50		2,730,772,181	1,936,836,685
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60		5,229,183,424	3,290,818,146
Important foreign exchange rate fluctuations	61		(10,347,185)	1,599,593
Cash and cash equivalents at the end of the year	70		7,928,613,428	5,229,183,424

Prepared by: *Trần Thị Mỹ Trinh*
 Chief Accountant: *Trần Thành Thủy*
 Năm 2007
 Ngày 15/12/2007

Prepared by: *Trần Thị Mỹ Trinh*
 Chief Accountant: *Trần Thành Thủy*
 Năm 2007
 Ngày 15/12/2007

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
1. Thành lập:
 Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 4102002681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 2 năm 2001 (Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 9 năm 2007).
 Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Phước Long, Quận 9 - TP.Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn cổ phần:
3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.
4. Ngành nghề kinh doanh:
 Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gốm sứ, đồ sứ, kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất và mua bán phụ tùng thiết bị máy móc chế biến nông sản thủy sản, kinh doanh nhà ở.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
1. Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hình thức vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.
III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
1. Chế độ kế toán áp dụng:
 Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:
 Công ty tuân thủ chế độ kế toán và chế độ kế toán Việt Nam ban hành, các quy định pháp lý có liên quan.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
IV. Các chính sách kế toán áp dụng
1. Nguyên tắc xác định các khoản tăng, giảm tiền, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:
 - Nguyên tắc xác định các khoản hàng được, mất phần ảnh hưởng đến tài sản hàng tồn kho, tiền mặt hoặc các khoản khác qua 3 tháng kế từ ngày mua, để chờ chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
 - Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng hàng kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được coi là đồng đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
 - Các chính sách phát sinh do quy chế ngoại tệ và định giá tại sử của tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi lỗ của niên độ.
2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 Nguyên tắc định giá: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.
 Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

I. Business Highlights
1. Establishment:
 Nam Viet Joint Stock Company operates under business registration certificate No. 4102002681 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City dated February 01 2001 (under the 9th amendment on September 10 2007).
 The head office's address: Phuoc Long Industrial Park, Dist. 9 - HCMC.
2. Structure of ownership: share capital.
3. Business sector: manufacturing and trading.
4. Principal activities:
 Major activities of Nam Viet Joint Stock Company include: manufacturing fibre cement roofing and concrete components, construction materials, manufacturing and trading machinery and components for mechanics, manufacturing and processing forestry products, trading real estates.
II. Accounting Period and Reporting Currency
1. The fiscal year: is begun on January 01 and ended December 31 annually.
2. Vietnam Dong's used as a currency unit for accounting records.
III. Adoption of Accounting Standards and Policies
1. Accounting policy applied:
 The company applies the Vietnamese Standards on Accounting issued according to Decision No. 15/QĐ-BTC of the Ministry of Finance dated 20/03/2006.
2. Disclosure of compliance with Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Accounting System
 The company complies with the Vietnamese standards on accounting and relevant statutory requirements.
3. Registered accounting documentation system: Journal Voucher.
IV. Applicable accounting policies
1. Accounting for cash amounts - cash, cash in banks, cash in transit and cash equivalents.
 - Principles for determining cash equivalents: Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amount of cash and subject to an insignificant risk of changes in value.
 - Principle for foreign currencies translation: Transactions in currencies other than VND are translated to VND at the average inter-bank rate of exchange stated by the State Bank of Vietnam at the transaction date.
 - Differences upon foreign currency translation and revaluation are recorded in the statement of income.
2. Accounting for inventory
 Method of valuation: at original cost.
 Method of determining cost of inventories at the end of the period: average weighted method.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên; lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chưa thực hiện.
- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**
 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi bằng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai và sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
 Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lợi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm đưa thêm mức độ hữu dụng dư thừa của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.
 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**
 Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư là được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp mà chi phí dịch vụ tư vấn và luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch có liên quan khác... Nguyên giá bất động sản đầu tư xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.
 Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
 - Ghi nhận chi phí phát sinh, trích hoặc chi phí sửa chữa lớn, lịch sử dự phòng bù đắp mất việc làm**
 Chi phí thực tế phát sinh trong chu kỳ báo cáo được chứng từ được lịch trước vào chi phí trong kỳ và được ghi nhận khi có chứng từ hóa đơn.
 Quỹ dự phòng bù đắp mất việc làm dự dụng theo tháng từ 02/2003/ĐTC ngày 14/3/2003.
 Chi phí sửa chữa lớn ghi nhận được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: thông tin về vốn cổ phần được ghi nhận theo số thực tế đã thu góp vốn của các cổ đông.
 - Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận đến là phần lợi của lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ, chi phí bất động sản và bán bất động sản. Công ty chia cổ tức theo bản báo cáo quyết toán hàng năm.

- Method of accounting for the inventories: Perpetual method
 Provision for the decline in the value of inventories: not incurred.
- Principles for recording and depreciating fixed assets**
 Principle for recording tangible fixed assets: All costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use. Expense incurred after tangible fixed assets have been put into operation, are charged to income in the period if the expenditures have resulted in an increase in the future economic benefits. Otherwise, they will be recorded as expenses in the period.
 Historical cost and accumulated depreciation of fixed assets will be written-off when they are sold or disposed and any coming or loss from disposal are recorded into the income or expenses in the period.
 Depreciation is charged to write off the cost of fixed assets on a straight line basis over their estimated useful lives of the assets. Depreciation rate is applied in accordance with Decision No. 206/2003/QĐ-BTC dated Dec. 12, 2003 promulgated by the Vietnam Ministry of Finance.
 - Principles for recording and depreciating investment properties**
 The cost of a purchased investment property comprises its purchase price, and any directly attributable expenditure. Direct attributable expenditure includes, for example, professional fees for legal services, property transfer taxes and other transaction costs... The cost of self-constructed investment property is its cost at the date when the construction or development is completed.
 Depreciation is charged to write off the cost of investment properties on a straight line basis over their estimated useful lives.
 - Accounting for accrued expenses for repairs, maintenance and overhaul and severance allow-ances**
 The actual expenses which were incurred but invoices have not been issued will be recorded into expenses in the period, these expenses will be computed when invoices are issued.
 Provision for severance allowances is made in accordance with Circular No. 62/2003/TT-BTC dated 14/3/2003.
 The overhaul expenses for fixed assets are recorded into operating expenses in the period.
 - Owners' Equity**
 - Principle for recording owners' equity, share premium: of the actual invested capital of shareholders.
 - Recording dividends: dividends are a portion of net profit after tax after appropriating funds, expenses for the Board of Management and controllers. The company distributes dividends in accordance with the minutes of annual meetings of the Board of Management.

12/16/2008/2007

12/16/2008/2007

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:
- Quỹ đầu tư phát triển: 1% @ 2%
 - Quỹ dự phòng tài chính: 1% @ 2%
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1% @ chia mỗi quý là 2%
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn liên hệ yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bất khả.
 - Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và được xác định hàng đợi chắc chắn.
 - Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có chứng từ được kê khai sinh lời từ giao dịch đó và được xác định hàng đợi chắc chắn.
 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**
 Chi phí tài chính là tiền vay, chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ.
 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**
 - Công ty Cổ phần Nam Việt đang được hưởng ưu đãi đầu tư theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4707/UB-CHN và công văn số 075A-04/NV ngày 30/9/2004 kể từ khi chuyển doanh nghiệp từ nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 01/2/2001 với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh như sau:
 - Đối với lĩnh vực đầu tư sản xuất năm lập, đầu tiên bê tông và kinh doanh vật liệu xây dựng: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 28%, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đến năm 2007 kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
 - Đối với lĩnh vực đầu tư sản xuất đồ gỗ: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 28%, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đến năm 2008 kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
 - Các loại thuế khác áp dụng theo các quy định luật thuế hiện hành.

- Principle for appropriating funds from profit after tax
- Investment and Development Fund: 1%
 - Financial Reserve Fund: 2%
 - Bonus and Welfare Fund: 2% for each
- Principles of recording revenues**
 - Revenue from goods sold when the significant risks and rewards of ownership has been transferred to the buyer. No revenue is recognized if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.
 - Revenue from financing activities recorded when the Company has the possibility to obtain economic benefits from transactions and the revenue is determined reliably.
 - Revenue from construction contract recorded when the Company has the possibility to obtain economic benefits from transactions and the revenue is determined reliably.
 - Principles for recording financial expenses:**
 Financial expenses (interest, exchange rate difference) are recorded into the costs for production and doing business in the period.
 - Principles for recording current corporate income tax expenses**
 - Nam Viet Joint Stock Company enjoys investment incentives in accordance with investment incentives certificate No 4707/UB-CHN and official letter No 075A-04/NV dated 30/9/2004 since the Company converts into a joint stock company from a State-owned company on 01/2/2001. The sectors enjoy preference are as follows:
 - As to floor cement roofing, concrete components manufacturing and construction materials trading activities, the corporate income tax rate is 28%. The company enjoys reduction of 50% on the tax amount payable 11/2007 since the taxable income occurs.
 - As to wood production activity, the corporate income tax rate is 28%. The company enjoys reduction of 50% on the tax amount payable 08/2007 since the taxable income occurs.
 - Other activities, the corporate income tax rate is 28%.

Ngay lập báo cáo

 Trần Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

 Trần Thanh Thủy

Ngày 20 tháng 01 năm 2008

 Trần Thị Mỹ Thanh

Prepared by

 Trần Thị Mỹ Thanh

Chief Accountant

 Trần Thanh Thủy

January 20, 2008
 Special Director

 Trần Thị Mỹ Thanh

12/16/2008/2007

12/16/2008/2007